

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HSST

Ngày: 27/11/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Quang Đôn.

2. Bà Hoàng Cúc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Xuân Tuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2020/TLST-HS, ngày 12 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2020/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: **Nguyễn Thành L** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 25/4/1991, tại tỉnh Nam Đ; nơi đăng ký HKTT: Thôn Vũ X, xã Yên D, huyện Ý Y, tỉnh Nam Đ; chỗ ở: Tổ dân phố x, phường Thanh T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 và bà Vũ Thị L, sinh năm 1969; vợ: Trần Thị X, sinh năm 1991 (Đã ly hôn) và có 01 con, sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 07/8/2020 cho đến nay. Có mặt.

Bị cáo thứ hai: **Nguyễn Đức A** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 04/3/1995, tại tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Tổ dân phố xx, phường Tân T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12 phổ thông; con ông Nguyễn Thanh T1 (Đã chết) và bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1959; vợ: Hà Thị T3, sinh năm 1998; bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Đức A bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/7/2020, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Có mặt.

Bị cáo thứ ba: **Khương Duy K** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 28/9/1996, tại tỉnh Điện Biên; nơi đăng ký HKTT: Thôn Cx, xã Thanh H, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên; chỗ ở: Đội yy, xã Thanh C, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; con ông Khương Văn M, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; vợ: Trần Thị N, sinh năm 1998 và có 01 con, sinh năm 2019.

Tiền án, tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án, cụ thể ngày 12/7/2019, Khánh bị Tòa án nhân dân huyện Điện B xét xử về tội Đánh bạc, áp dụng Khoản 1 Điều 321, Điểm s, i Khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt 19 tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ, K phải chấp hành 18 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ và 200.000 đồng án phí. K đã chấp hành được 11 tháng 07 ngày cải tạo không giam giữ và đã chấp hành xong tiền án phí, bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng 26 ngày cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Khương Duy K bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/7/2020, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Có mặt.

Bị cáo thứ tư: **Hoàng Văn H** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 08/8/1996, tại tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Đội xx, xã Thanh X, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1977; vợ: Vũ Thị T, sinh năm 1997 và có 01 con, sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Hoàng Văn Hiệu bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 30/7/2020, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Có mặt.

Bị cáo thứ năm: **Nguyễn Đăng T** (Tên gọi khác: Không), sinh ngày 19/8/2000, tại tỉnh Điện Biên; nơi cư trú: Thôn Tiến T, xã Thanh Y, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12 phổ thông; con ông Nguyễn Đăng T1 (Đã chết) và bà Thạch Thị T2, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Nguyễn Đăng T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 07/8/2020 cho đến nay. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Lò Thị T3, sinh ngày 14/10/2000; địa chỉ: Tổ dân phố cc, phường Thanh T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

2. Vũ Thị T4, sinh ngày 01/12/1997; địa chỉ: Đội bb, xã Thanh X, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

3. Hà Văn T5, sinh ngày 03/6/1995; địa chỉ: Đội 01, xã Thanh H, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

4. Nguyễn Văn V, sinh 08/7/1978; địa chỉ: Thôn nn, xã Thanh H, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

- Trần Phương N1, sinh ngày 18/3/1981; địa chỉ: Tổ dân phố mm, phường Mường T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

5. Hà Thị T6, sinh ngày 01/12/1998; Tổ dân phố mm, phường Tân T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 03 giờ ngày 30/7/2020, tổ công tác Công an thành phố Điện Biên P kiểm tra tại phòng 503, khách sạn Diệp L thuộc tổ dân phố kk, phường Mường T, thành phố Điện Biên P phát hiện, bắt qua tang Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H và Nguyễn Đăng T đang cùng nhau cất giấu 01 túi nilon màu trắng, bên trong còn 05 viên nén màu xám dạng hình hộp chữ nhật trên nóc tủ nghi là ma túy tổng hợp và 01 tấm kính dưới gầm giường, trên mặt tấm kính có các hạt tinh thể màu trắng dạng đá nghi là ma túy tổng hợp. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong thu giữ vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số 731/GĐ-PC09 ngày 02/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Mẫu viên nén màu xám gửi giám định là chất ma túy: Loại MDMA, khối lượng vật chứng là 2,72 gam; Mẫu hạt tinh thể màu trắng gửi giám định là chất ma túy: Loại Ketamine, khối lượng vật chứng là 0,6 gam. Vật chứng còn lại là 2,18 gam MDMA và 0,42 gam Ketamine.

Tại bản kết luận giám định số 752/GĐ-PC09 ngày 07/8/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Khối lượng trung bình của 01 viên MDMA là 0,545 gam.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 30/7/2020, Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H và Nguyễn Đăng T cùng đứng nói chuyện ở khu vực Nghĩa trang mm. Khi T đi cách cả nhóm một đoạn để gọi điện thoại, thì Đức A, K, H rủ nhau đi mua ma túy để bay lắc. Khánh nói quen một người bạn để hỏi xem có biết chỗ nào bán không, rồi lấy điện thoại Iphone 6 Plus, số sim 0865286789 gọi cho Hà Văn T, trú tại Đội 1, xã Thanh H, huyện Điện B đến. K, Đức A và H thống nhất mua thuốc lắc, Ketamine để cùng sử dụng, mọi chi phí cho việc sử dụng ma túy chia đều cho ba người. Khánh nói có 5.000.000 đồng trong tài khoản, H và Đức A bảo K bỏ tiền ra trước mai chia sau. Khoảng 15 phút sau T đến cho K số điện thoại của Lò Thị T1, bảo K gọi điện hỏi xem có ma

túy không vì T cũng chỉ nghe người khác nói lại, rồi đi về. K đưa điện thoại của mình cho Đức A gọi cho T1. Do T1 đang ngủ, Nguyễn Thành L (người yêu của T1) nói chuyện với Đức A, Đức A đặt vấn đề mua 5.000.000 đồng Ketamine, L đồng ý bảo chuyển khoản trước và nhắn tin số tài khoản của T1 cho Đức A, Đức A đưa lại điện thoại cho K để K chuyển 5.000.000 đồng cho L qua ứng dụng điện thoại. T gọi điện xong quay lại, Đức A rủ T đi sử dụng ma túy, T đồng ý. K bảo T và H lên khách sạn Diệp L, ở tổ dân phố xx, phường Mường T, thành phố Điện Biên P lấy phòng, H bảo T thuê đèn nháy và loa. Sau đó T, H và K đi xe máy đến Khách sạn Diệp L. Trình gặp chị Trần Phương N lễ tân Khách sạn thuê phòng 503, K lấy 400.000 đồng đưa cho H, H lấy thêm 100.000 đồng rồi đưa lại cho T để trả tiền thuê phòng. T liên lạc với người tên T1 (Trình không biết địa chỉ) để thuê đèn nháy và loa, rồi cả ba lên phòng 503 chờ. Sau khi kiểm tra thấy có 5.000.000 đồng trong tài khoản, L lên tầng 2 lấy túi Ketamine màu trắng, giấu ở lỗ thoát nước cầm xuống cổng phòng trọ, cho vào vỏ bao thuốc lá Blue SEAL Apple màu trắng, rồi liên lạc với người tên Sơn (L không biết địa chỉ) nhờ mang ra cổng nghĩa trang A1 để giao cho Đức A. Sơn mang bao thuốc lá đựng Ketamine để ở đường gần cổng nghĩa trang A1, sau đó gọi điện cho L để Luân liên lạc với Đức A chỉ chỗ để Đức A ra lấy. Đức A nhặt vỏ bao thuốc có Ketamine cầm ở tay trái, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B2 – 074.97 về nhà ở tổ XX, phường Tân T, thành phố Điện Biên P lấy 3.500.000 đồng, rồi đi ra khu vực đường gần quán Bar Sun, thuộc phường Tân T, thành phố Điện Biên P mua được 7,5 viên thuốc lắc gói ngoài bằng nilon màu trắng của một người thanh niên không quen biết, cho vào vỏ bao thuốc lá đựng Ketamine, đem đến Khách sạn Diệp L, lên phòng 503 lấy 02 túi ma túy trong vỏ bao thuốc lá, để túi Ketamine cùng vỏ bao thuốc lá xuống mặt bàn trong phòng, mở túi thuốc lắc lấy 01 viên đưa cho K, K cho viên thuốc lắc vào mồm sử dụng cùng Coca. Đức A để túi thuốc lắc còn 6,5 viên lên nóc tủ quần áo trong phòng và nói để thuốc trên nóc tủ ai chơi thì lấy. H lấy túi thuốc lắc trên nóc tủ mở ra lấy 01 viên sử dụng cùng Coca, rồi để túi thuốc lắc lên chỗ cũ. Đức A mở túi Ketamine đổ ra tấm kính mặt bàn, rồi bê tấm kính đặt lên giường trong phòng. Khi Đức A để túi Ketamine lên mặt bàn, Trình nhìn rõ rồi đi vào nhà vệ sinh, Trình nghe rõ Đức A nói thuốc để thuốc trên nóc tủ ai chơi thì lấy. T đi ra giường ngồi cùng Đức A lấy một tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng của mình quẹt tròn để làm ống hút Ketamine và để lên mặt kính rồi đi ra lấy gói thuốc lắc trên nóc tủ có 5,5 viên mở ra lấy ½ viên sử dụng cùng Coca và để trả lại lên chỗ cũ gói thuốc lắc còn 05 viên để mọi người cùng sử dụng. Đức A dùng ống điều T làm hít Ketamine qua đường mũi. Đến 03 giờ cùng ngày, tổ công tác Công an thành phố Điện Biên P đến kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại Bản cáo trạng số: 125/CT-VKSTPĐBP ngày 11/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên P truy tố ra trước Toà án nhân dân thành phố Điện Biên P để xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Thành L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn

Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H, Nguyễn Đăng T, về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo L, Đức A, K, H, T tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo Nguyễn Thành L đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H, Nguyễn Đăng T phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, do đó giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Thành L, Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H, Nguyễn Đăng T theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức A từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách bằng hai lần mức hình phạt. Giao bị cáo cho UBND phường Tân T, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Khương Duy K từ 18 tháng đến 24 tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án số 87 ngày 12/7/2019, của Tòa án nhân dân huyện Điện B, bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng 26 ngày cải tạo không giam giữ (Chuyển đổi thành hình phạt tù, 03 ngày cải tạo không giam giữ thành 01 ngày tù, bằng 02 tháng 08 ngày tù). Buộc bị cáo phải chấp hành 20 tháng 08 ngày đến 26 tháng 08 ngày tù.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 18 tháng đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách bằng hai lần mức hình phạt. Giao bị cáo cho UBND xã Thanh X, huyện Điện B, tỉnh Điện Biên để giám sát và giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T từ 15 tháng đến 18 tháng tù.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 2,18 gam MDMA; 0,42 gam Ketamine; 02 túi nilon màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá Blue SEAL Apple màu trắng là vật chứng còn lại của vụ án. Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước: 5.000.000 đồng của bị cáo L; trị giá ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2 – 074.97, kèm chìa khóa xe của bị cáo Đức Anh; 01 điện thoại Iphone 6 Plus,

màu vàng kèm sim số 0865268789, của bị cáo K và 20.000 đồng của bị cáo T. Trả lại Hà Thị T1 trị giá $\frac{1}{2}$ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2 – 074.97.

Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo L, Đức A, K, H, T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của Nguyễn Thành L, Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H, Nguyễn Đăng T trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; bản khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; biên bản niêm phong, mở niêm phong xác định khối lượng vật chứng; kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Ngày 30/7/2020, trên địa bàn thành phố Điện Biên P. Nguyễn Thành L đã bán trái phép 01 gói Ketamine cho Nguyễn Đức A, thu được 5.000.000 đồng; Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H cùng nhau cất giấu 4,0825 gam MDMA và 0,6 gam Ketamine; Nguyễn Đăng T cùng đồng phạm cất giấu 2,9925 gam MDMA và 0,6 gam Ketamine tại phòng 503 - Khách sạn Diệp Linh, thuộc tổ dân phố xx, phường Mường T, thành phố Điện Biên P để sử dụng. Hành vi của Nguyễn Thành L đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự; Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H, Nguyễn Đăng T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật cần phải xử lý nghiêm. Nguyễn Thành L, Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H, Nguyễn Đăng T là người có đủ năng lực hình sự, các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, vì vậy khẳng định, Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn Thành L, Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H, Nguyễn Đăng T về tội danh theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét tính chất mức độ và hậu quả của tội phạm là nghiêm trọng, hành vi bán trái phép để kiếm lời; cất giấu trái phép ma túy để sử dụng của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền của nhà nước trong lĩnh vực quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm gia tăng người nghiện ma túy trong xã hội và tiếp tay cho các loại tội phạm, ảnh hưởng xấu đến tình hình

trật tự trị an trên địa bàn, cần được phát hiện kịp thời và áp dụng hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trên địa bàn.

[3] Vai trò từng bị cáo trong quá trình thực hiện tội Tàng trữ trái phép chất ma túy: Các bị cáo không phân công vai trò, trách nhiệm cụ thể của từng người; không có sự câu kết chặt chẽ trong khi thực hiện tội phạm cũng như việc che giấu tội phạm nên không có tổ chức. Đức A, K, H và Tr là những người thực hiện tích cực; Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H cùng thống nhất mua ma túy để sử dụng nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số ma túy là 4,0825 gam MDMA và 0,6 gam Ketamine; Nguyễn Đăng T không tham gia thỏa thuận mua ma túy, nhưng biết rõ Đức A mang 0,6 gam Ketamine và 5,5 viên MDMA vào phòng để cùng nhau sử dụng nên phải chịu trách nhiệm hình sự với khối lượng ma túy là 2,9925 gam MDMA và 0,6 gam Ketamine.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Nguyễn Thành L, Khương Duy K, Nguyễn Đăng T có thái độ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Khương Duy Khánh có 01 tiền án về tội "Đánh bạc" nên phải chịu tình tiết tăng nặng Tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên đối với Nguyễn Thành L, Khương Duy K và Nguyễn Đăng Tr tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly đối với Nguyễn Thành L, Khương Duy K và Nguyễn Đăng T ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để tự nhận thức, cải tạo bản thân trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Đức A, Hoàng Văn H có thái độ thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; tích cực hợp tác với Cơ quan điều tra phát hiện, điều tra tội phạm nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với Nguyễn Đức A, Hoàng Văn H. Để tạo điều kiện cho các bị cáo học tập, lao động tại cộng đồng, chứng tỏ sự hối cải của bản thân ngay trong môi trường xã hội và cũng thể hiện chính sách giáo dục hơn trừng trị của pháp luật Việt Nam đối với người phạm tội, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo; trả tự do ngay tại phiên tòa cho Nguyễn Đức A, Hoàng Văn H nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác. Giao Nguyễn Đức A, Hoàng Văn H cho UBND, nơi cư trú cùng gia đình bị cáo trong việc giám sát, giáo dục là

phù hợp nhằm giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng,... tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, Nguyễn Thành L, Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H và Nguyễn Đăng T không có thu nhập ổn định; không có tài sản riêng nên không có khả năng thi hành, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 2,18 gam MDMA, 0,42 gam Ketamine còn lại sau giám định; 02 túi nilon màu trắng, 01 vỏ bao thuốc lá Blue SEAL Apple màu trắng là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, vật không có giá trị theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2-074.97 mà Đức A làm phương tiện phạm tội là tài sản chung của vợ chồng Đức A, Nguyễn Đức A sử dụng đi mua ma túy nhưng vợ bị cáo là chị Hà Thị T1 không biết nên cần tịch thu 1/2 giá trị xe, trả lại cho chị T1 1/2 giá trị xe, số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo L bán ma túy mà có cần tịch thu sung ngân sách Nhà Nước. Căn cứ điểm a khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự, tịch thu sung ngân sách Nhà Nước số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo L (Chưa thu), 1/2 giá trị chiếc xe máy 27B2-074.97, trả lại cho chị Hà Thị T1 1/2 giá trị chiếc xe máy của bị cáo Đức A, 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus màu vàng kèm sim số 0865268798 của bị cáo K, 20.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam của bị cáo T.

[7]. Án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác:

- Án phí: Nguyễn Thành L, Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H, Nguyễn Đăng T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

- Quyền kháng cáo: Các Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- L khai mua Ketamine của người thanh niên không quen biết tên S ở ngoài đường khu vực xã Ý D, huyện Ý Y, tỉnh Nam Định và không biết địa chỉ của S; Đức A khai mua MDMA của người thanh niên không quen biết; T khai không biết địa chỉ của người cho thuê đèn nháy và loa, nên không có cơ sở làm rõ, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Trần Phương N và chủ Khách sạn Diệp L không biết việc các bị cáo thuê phòng để sử dụng ma túy; Lò Thị T1 không biết việc L phạm tội; Hà Văn T, Hà

Thị T1, Nguyễn Văn V, Vũ Thị T2 không biết việc các bị cáo phạm tội, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

- Trong quá trình giải quyết vụ án đã tạm giữ của K 01 xe mô tô biển kiểm soát 27N1 - 016.38 (K mượn của anh Nguyễn Văn V), H 01 điện thoại Iphone 8 Plus màu trắng kèm sim, Lò Thị T1 01 điện thoại Iphone màu đỏ kèm 01 sim (Chị T1 không biết L1 dùng vào việc phạm tội), H 01 xe mô tô biển kiểm soát 27B1 - 722.74 kèm đăng ký xe, 02 túi nilon màu trắng bên trong có các hạt tinh thể màu trắng (Thuốc kích thích mọc mầm cây măng tây) là tài sản của chị Vũ Thị T1 (Vợ H) và tạm giữ 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Đăng T, cơ quan CSĐT đã trả lại cho các chủ sở hữu và người được các bị cáo ủy quyền nhận hộ theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; các bị cáo Nguyễn Đức A, Khương Duy K, Hoàng Văn H, Nguyễn Đăng T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2020.

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Khương Duy K 18 (Mười tám) tháng tù; căn cứ khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự, bị cáo K phải chấp hành phần hình phạt chưa chấp hành của bản án số: 87/2019/HS-ST ngày 12/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Điện B là 06 tháng 26 ngày cải tạo không giam giữ, quy đổi bằng 02 tháng 08 ngày tù. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 20 tháng 08 ngày (Hai mươi tháng tám ngày) tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/7/2020.

Căn cứ khoản điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2020.

Căn cứ khoản điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, t khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự; khoản 4 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt các bị cáo Nguyễn Đức A 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2020); giao bị cáo cho UBND phường Tân T, thành phố Điện Biên P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Nguyễn Đức A, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Xử phạt các bị cáo Hoàng Văn H 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng, thời điểm bắt đầu tính thời gian thử thách là ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2020); giao bị cáo cho UBND xã Thanh X, huyện Điện B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc bị cáo được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho Hoàng Văn H, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy 2,18 gam MDMA; 0,42 gam Ketamine; 02 túi nilon màu trắng; 01 vỏ bao thuốc lá Blue SEAL Apple màu trắng là vật chứng còn lại của vụ án. Tịch thu sung ngân sách Nhà Nước 5.000.000 đồng của bị cáo L (Chưa thu); trị giá ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2 – 074.97, kèm chìa khóa xe của bị cáo Đức A; 01 điện thoại Iphone 6s Plus, màu vàng kèm sim số 0865268789 của bị cáo K và 20.000 đồng của bị cáo T. Trả lại chị Hà Thị T1 trị giá ½ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2 – 074.97. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, các bị

cáo Nguyễn Thành L, Khương Duy K, Nguyễn Đức A, Hoàng Văn H, Nguyễn Đăng T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 27/11/2020); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố ĐBP;
- Nhà tạm giữ C.A thành phố ĐBP;
- CQCSĐT CA thành phố ĐBP;
- Cơ quan THAHS CA TPĐBP;
- CCTHADS thành phố ĐBP;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- HSTHAHS; Lưu VP; Lưu: Hồ sơ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Định